

CA DAO THAN THÂN, _____

YÊU THƯƠNG TÌNH NGHĨA

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Hiểu được, cảm nhận được *tiếng hát than thân* và *tiếng hát yêu thương tình nghĩa* của người bình dân trong xã hội phong kiến xưa qua nghệ thuật riêng đậm sắc màu dân gian của ca dao.

– Biết cách tiếp cận và phân tích ca dao qua đặc trưng thể loại.

– Đồng cảm với tâm hồn người lao động và yêu quý những sáng tác của họ.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Đây là bài dạy học về chùm bài ca dao. Phần *Tiểu dẫn* chỉ nhằm giúp HS nắm được những điểm chính về thể loại ca dao trước khi đi vào tìm hiểu các bài cụ thể.

(1) Ở phần *Tiểu dẫn*, SGK nêu hai điểm :

a) *Về nội dung* : Ca dao diễn tả đời sống tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong các quan hệ gia đình, xã hội, đất nước (thiên về *trữ tình*, khác với truyện dân gian là những thể loại *tự sự*). Cần chú ý : Cái gốc của ca dao hài hước, suy đến cùng, cũng là trữ tình, vì có yêu, ghét,... đến một mức nào đó thì mới bật ra tiếng cười hài hước.

b) *Về nghệ thuật* : Là sáng tác tập thể của nhân dân, ca dao có những đặc điểm nghệ thuật riêng, khác với thơ của văn học viết : ca dao là tiếng nói của *cộng đồng*, thơ là tiếng nói của *cá thể nghệ sĩ*. Nghệ thuật ca dao là nghệ thuật truyền thống mang đậm sắc thái dân gian. (Nêu các đặc điểm như trong SGK, chú ý hình thức lặp lại trong ca dao.)

(2) Ở phần *Văn bản*, SGK chọn 6 bài :

a) *Về nội dung* : Với nhiều tiếng nói khá tiêu biểu, nhìn chung các bài này đã bao quát được hai nội dung than thân và yêu thương tình nghĩa.

– Bài 1, 2 : Lời than thân của người phụ nữ trong xã hội cũ.

– Bài 3 : Duyên kiếp không thành nhưng nghĩa tình vẫn bền vững, sắt son.

- Bài 4 : Nỗi niềm thương nhớ người yêu da diết, bồn chồn.
- Bài 5 : Ước muốn mãnh liệt trong tình yêu.
- Bài 6 : Nghĩa tình gắn bó thủy chung của vợ chồng.

b) *Về nghệ thuật* : Các bài chọn học cũng bao quát được nhiều nét đặc trưng của nghệ thuật ca dao như thể thơ, hình ảnh so sánh ẩn dụ, biểu tượng truyền thống, ngôn ngữ, các hình thức lặp lại,...

2. Trọng tâm bài học

Nên dành nhiều thời gian cho các bài 3, 4, 5 (đặc biệt là bài 4).

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

Dạy bài này cần chú ý đến *phương pháp hệ thống* trong việc tiếp cận ca dao : đưa bài ca dao vào hệ thống của nó để tìm hiểu, cảm nhận ; tức là dựa vào *cái chung* để hiểu *cái riêng*. Ở từng bài, cần tiến hành theo hai bước : a) Cho HS phát hiện những nét đặc sắc nghệ thuật của bài ca dao ; b) Từ những nét đặc sắc đó, hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung ý nghĩa của bài ca dao.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Phần *Tiểu dẫn* về ca dao

HS đã được học *ca dao* ở sách *Ngữ văn 7* nên cũng đã nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại này. GV chỉ cần cho một HS đọc to, rõ ràng phần *Tiểu dẫn* trong SGK và nêu lên *những ý chính* về ca dao. Sau đó, GV nhấn mạnh lại hai điểm như phần *Những điều cần lưu ý* ở trên.

b) Phần hướng dẫn tìm hiểu chùm ca dao trữ tình :

(1) Hướng dẫn HS đọc diễn cảm các bài ca dao.

- Đọc các bài ca than thân (với giọng xót xa, thông cảm).
- Đọc các bài ca yêu thương, tình nghĩa (với giọng tha thiết, lắng sâu).

(2) Hướng dẫn HS tìm hiểu, cảm nhận các bài ca dao.

Câu 1 (Bài 1, 2)

Tiếng hát than thân

a) GV cho HS phát hiện điểm giống nhau và khác nhau ở hai bài ca dao : giống nhau ở mô thức mở đầu "Thân em như..." ; còn khác nhau ở hình ảnh so sánh : một bên là *tấm lụa đào...*, một bên là *củ ấu gai...*

b) Từ điểm giống nhau và khác nhau đó, hướng dẫn HS tìm ra nội dung, ý nghĩa của tác phẩm (nét chung và sắc thái tình cảm riêng của từng bài).

– Nét chung :

+ Hai bài ca dao mở đầu bằng "Thân em như..." đã xác định rõ đây là lời than thân của người phụ nữ. Cách mở đầu như vậy khiến cho lời than thêm ngậm ngùi, xót xa, có tác dụng nhấn mạnh, gây sự chú ý đối với người nghe, người đọc. Ca dao có một hệ thống bài ca mở đầu bằng "Thân em như..." được xem là "lời chung" của người phụ nữ trong xã hội cũ (xem phần *Gợi ý giải bài tập* ở dưới). Hình thức lặp lại với tần số khá lớn đã nói lên họ là loại người khổ nhất trong xã hội cũ.

+ *Hình ảnh so sánh* đã nói lên một cách thấm thía nỗi khổ đó. GV lưu ý HS đến câu *miêu tả bổ sung* hình ảnh so sánh – đây mới là chỗ gợi lên sâu sắc nhất nỗi khổ cực của người phụ nữ : khổ vì thân phận của họ bị phụ thuộc, giá trị của họ không được ai biết đến :

Tắm lụa đào phát phơ giữa chợ biết vào tay ai ?

Củ ấu gai ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen...

– Sắc thái tình cảm riêng : ở mỗi bài đều có sắc thái tình cảm riêng cần chú ý.

+ *Bài 1* : Người phụ nữ ý thức được sắc đẹp, tuổi xuân và giá trị của mình (*như tắm lụa đào*), nhưng số phận của họ thật chông chênh không có gì đảm bảo, không biết sẽ vào tay ai (*Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai ?*), có khác gì một món hàng để mua bán. Nỗi đau xót nhất của nhân vật trữ tình trong lời than thân chính là ở chỗ khi người con gái bước vào cái tuổi đẹp nhất, hạnh phúc nhất của đời mình thì nỗi lo về thân phận lại ập đến ngay với họ. Sự đối lập giữa hai dòng thơ đã cho ta thấm thía nỗi lo và nỗi đau đó.

+ *Bài 2* : So với bài trên, bài này có số dòng gấp đôi. Sự tự ý thức được nhấn mạnh, lời bộc bạch rõ hơn và lời mời mọc lại càng da diết. Bài trên nghiêng về vẻ đẹp phơi phới của tuổi xuân, bài này nhấn mạnh đến *giá trị thực* của người con gái : *Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen*. Lời mời mọc của cô gái lại càng khẳng định cái giá trị thực đó :

Ai ơi, nếm thử mà xem !

Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi.

Phải bộc bạch kỹ và mời mọc da diết đến vậy chính là vì giá trị của họ không được ai biết đến. Trong sự khẳng định giá trị có cả một nỗi ngậm ngùi chua xót cho thân phận người con gái trong xã hội cũ. Giá trị nhân văn cùng với tiếng nói tố cáo đã làm nên chiều sâu và vẻ đẹp của lời than thân. Và cảm hứng này đã được Hồ Xuân Hương nói đến trong một số bài thơ, mà tiêu biểu là bài *Bánh trôi nước* : *Thân em vừa trắng lại vừa tròn – Bấy nổi ba chìm với nước non...*

Như vậy, những bài ca dao trên đây không chỉ nói lên thân phận bị phụ thuộc của người phụ nữ mà còn là tiếng nói khẳng định giá trị, phẩm chất của họ.

Câu 2 (Bài 3)

a) GV cho HS nhận xét về cách mở đầu bài ca dao này có gì khác với hai bài trên và ý nghĩa biểu cảm của từ "ai" trong câu thơ : *Ai làm chua xót lòng này, khế ơi !*

– Không dùng mô thức "Thân em như..." mà dùng lối đưa đẩy, gợi cảm hứng : *Trèo lên cây khế nửa ngày...* Lối mở đầu này cũng thường gặp trong ca dao : *Trèo lên cây bưởi hái hoa, Trèo lên cây gạo cao cao,...* Nếu "Thân em như..." là nỗi đau thân phận của người phụ nữ, thì lối mở đầu này là nỗi chua xót vì lỡ duyên, thường của các chàng trai.

– Từ "ai" phiếm chỉ nhưng ở đây lại bao hàm ý nghĩa xác định. Còn ai vào đây nữa, nếu không phải là cái xã hội phong kiến xưa đã từng ngăn cách, làm tan nát biết bao mối tình của những lứa đôi yêu nhau ? Một từ "ai" mà như xoáy sâu vào lòng người bao nỗi niềm chua xót, đắng cay. Một chút chơi chữ tài hoa, tinh tế : khế chua, lòng người cũng chua xót. Chàng trai hỏi khế để bộc lộ lòng mình, cách hỏi ấy càng khiến cho lời than thêm da diết, thấm thía.

b) GV đặt vấn đề cho HS trao đổi : Mặc dầu lỡ duyên nhưng tình nghĩa con người như thế nào ? Vì sao tác giả dân gian lại phải dùng đến cả một hệ thống so sánh ẩn dụ bằng những hình ảnh của thiên nhiên, vũ trụ để nói lên tình người ?

– Mặc dầu lỡ duyên, nhưng tình nghĩa con người vẫn bền vững, thủy chung như thiên nhiên, vũ trụ vĩnh hằng. Hệ thống so sánh ẩn dụ *trời – trăng – sao* trong bài ca đã nói lên điều đó.

Mặt trăng sánh với mặt trời

Sao Hôm sánh với sao Mai chằng chằng.

Như mặt trăng sánh với mặt trời, như sao Hôm sánh với sao Mai, tình nghĩa đôi ta là như vậy, không thể nào khác được. *Sánh với* được lấy lại hai lần, lại thêm *chằng chằng* nhấn mạnh ở cuối câu thơ đã khẳng định mạnh mẽ điều đó. Cho dù có xa cách nhau (như mặt trăng và mặt trời, như sao Hôm và sao Mai), nhưng đôi ta vẫn xứng với nhau, vẫn đẹp đôi vừa lứa, vẫn là một như sao Hôm và sao Mai vốn chỉ là sao Kim, như ánh sáng mặt trăng cũng vốn là từ ánh sáng mặt trời mà có. Lấy hình ảnh thiên nhiên, vũ trụ là cái to lớn, vĩnh hằng, không thể đổi khác để khẳng định lòng người bền vững, thủy chung.

c) GV cho HS nêu cách hiểu và hướng dẫn HS khám phá vẻ đẹp của câu thơ cuối.

Mình ơi ! Có nhớ ta chăng

Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời.

Chàng trai hỏi cô gái để tự bộc lộ lòng mình và nỗi lòng đó đã được gửi vào một hình ảnh thơ giàu ý nghĩa : Sao Vượt là tên gọi cổ của sao Hôm. *Sao Vượt vẫn chờ trăng giữa trời !* Một sự chờ đợi mỏi mòn trong cô đơn và vô vọng ! Duyên kiếp có

thể và đã dở dang không thành nhưng tình nghĩa thì mãi mãi vẫn còn, không thể đổi thay. Trong hình ảnh *sao Vượt chờ trăng giữa trời* có cái mơn mủn của sự chờ đợi, có cái cô đơn của sự ngóng trông, có nỗi đau của con người lỡ duyên thất tình, nhưng tất cả chỉ là để ánh lên vẻ đẹp của tình nghĩa con người, trước sau, mãi mãi vẫn nhấp nháy sáng như ngôi *sao Vượt chờ trăng giữa trời*. Có phải đó là cái ánh sáng rất đẹp và rất thơ của tình người trong ca dao xưa khi nói về những mối tình lỡ làng duyên kiếp ?

Câu 3 (Bài 4)

Nỗi niềm của cô gái đối với người yêu đọng lại trong một tấm khăn thương nhớ.

a) GV đặt vấn đề cho HS suy nghĩ, phát hiện ở câu ca dao : Thương nhớ vốn là một tình cảm khó hình dung – nhất là thương nhớ trong tình yêu – vậy mà ở bài ca dao này lại được diễn tả một cách thật cụ thể, tinh tế và gợi cảm. Đó là nhờ cách nói riêng mang tính nghệ thuật cao của ca dao. Cách nói đó như thế nào, tác giả dân gian đã dùng thủ pháp gì và thủ pháp đó đã tạo được hiệu quả nghệ thuật ra sao ?

Đó là cách nói bằng hình ảnh, biểu tượng mà ca dao rất hay dùng để diễn tả những điều trừu tượng. Trong bài ca này, nỗi niềm thương nhớ của cô gái đối với người yêu đã được biểu hiện một cách cụ thể, sinh động bằng các biểu tượng *khăn, đèn, mắt* – đặc biệt là hình ảnh *khăn* (SGK *Văn học 10* trước đây đã đặt tiêu đề cho bài ca là *Khăn thương nhớ ai*).

b) GV hướng dẫn HS phân tích thủ pháp nghệ thuật dùng biểu tượng để bộc lộ tâm trạng nhân vật trữ tình, làm rõ vẻ đẹp mang giá trị thẩm mỹ cao của các biểu tượng *khăn, đèn, mắt* trong bài ca, từ đó mà hiểu sâu sắc nội dung ý nghĩa của lời ca thương nhớ này.

– Ở bài ca này, *khăn, đèn* đã được nhân hoá, còn *mắt* là phép hoán dụ (dùng một bộ phận để chỉ toàn thể) để nói về nhân vật trữ tình. Cô gái hỏi khăn, hỏi đèn, hỏi mắt chính là cô tự hỏi lòng mình. Và hẳn là nhớ thương phải bồn chồn lấm thẫm thì cô mới hỏi dồn dập đến vậy. *Khăn, đèn, mắt* đã thành biểu tượng cho nỗi niềm thương nhớ của người con gái đang yêu.

– *Cái khăn* được hỏi đến đầu tiên và được hỏi nhiều nhất trong 6 dòng thơ (tức nửa bài ca). Vì sao vậy ?

+ *Cái khăn* thường là vật trao duyên, vật kỉ niệm gợi nhớ "người đang xa" (*Gửi khăn, gửi áo, gửi lời – Gửi đôi chàng mạng cho người đang xa ; Nhớ khi khăn mở, trầu trao – Miệng chỉ cười nụ biết bao nhiêu tình,...*).

+ *Cái khăn* lại luôn luôn quấn quýt bên mình người con gái như cùng chia sẻ với họ trong niềm thương nhớ.

+ Sáu câu thơ được cấu trúc theo lối vắt dòng lấy lại sáu lần từ "*khăn*" ở vị trí đầu câu thơ và lấy lại ba lần "*khăn thương nhớ ai*" như một điệp khúc, làm cho nỗi nhớ càng thêm triền miên, da diết. Đường như mỗi lần hỏi là một lần nỗi nhớ lại trào dâng.

Và đằng sau tất cả sự *xuống, lên, rơi, vắt* (trong nghệ thuật đảo thanh và cách sử dụng hình ảnh vận động trái chiều nhau) của cái khăn kia là một con người hiện lên rất rõ trong tâm trạng ngổn ngang trăm mối tơ vò. Nhớ đến mức không còn tự chủ được cả bước đi dáng đứng, "ra ngẩn vào ngơ". Đó là *nỗi nhớ có không gian*. Cái không gian trải ra trên nhiều chiều (khăn rơi xuống đất, khăn vắt lên vai, khăn chùi nước mắt), còn nỗi nhớ thì quanh quất ở mọi hướng, khiến con người không thể đứng yên ổn được (*Như đứng đống lửa, như ngồi đống than*). Và nỗi nhớ ấy đã dẫn đến cảnh khóc thầm "khăn chùi nước mắt" như biết bao cô gái trong ca dao thuở xưa (*Nhớ ai em những khóc thầm – Hai hàng nước mắt đầm đầm như mưa*).

+ Sáu câu thơ hỏi khăn, 24 chữ, thì đã có đến 16 thanh bằng mà hầu hết là thanh không, gọi nỗi nhớ thương bằng khuâng, da diết, đậm màu sắc nữ tính của người con gái biết ghìm nén cảm xúc của mình, không bộc lộ một cách dễ dãi.

– Tiếp theo là *ngọn đèn* được cô gái hỏi đến. Nỗi nhớ ở đây còn được *đo theo thời gian* : nhớ từ ngày sang đêm, từ "tắm khăn" đến "ngọn đèn". Ca dao có nhiều nỗi nhớ ban đêm rất đa dạng : *Nửa đêm trở dậy trông trời... ; Đêm qua ra đứng bờ ao... ; Đêm khuya thắp chút dầu du...* Ở bài ca này, vẫn là cách nói riêng, nhất quán và độc đáo : điệp khúc "thương nhớ ai" được giữ lại, nhưng nỗi nhớ đã được đặt vào cây đèn (*Đèn thương nhớ ai – Mà đèn không tắt*). Chùm nào ngọn lửa tình vẫn cháy sáng trong trái tim của người con gái thì ngọn đèn kia tắt làm sao được ? "Đèn không tắt" – hay chính con người đang trần trọc thâu đêm trong nỗi nhớ thương đằng đẵng với thời gian ? Nếu trên kia "cái khăn" biết giải bày, thì ở đây "ngọn đèn" cũng biết thổ lộ, nó đã nói với chúng ta nhiều điều không có trong lời ca...

– Cuối cùng là *đôi mắt* của chính cô gái. Dù kín đáo, gọi cảm bao nhiêu thì "cái khăn" và "ngọn đèn" cũng chỉ là những cách nói gián tiếp theo lối biểu tượng, nhân hoá. Đến đây, như không kìm lòng được nữa, cô gái đã hỏi trực tiếp chính mình : *Mắt thương nhớ ai, Mắt ngủ không yên*. Nỗi ưu tư còn nặng trĩu. Khối tình vẫn y nguyên. Cho nên "đêm nằm lưng chẳng tới giường", cứ nhắm mắt vào, người thương lại hiện lên, ngủ làm sao cho được ! Thế thì có phải tại đôi con mắt, "cửa sổ tâm hồn" của chính cô gái ? Ở trên "đèn không tắt" thì ở đây "mắt ngủ không yên" : hình tượng thật là hợp lí, nhất quán và tự nhiên như cuộc sống con người, như chính niềm thương nỗi nhớ của cô gái.

– Nỗi nhớ được nói đến liên tiếp dồn dập trong 10 câu thơ 4 chữ (*thể vãn bốn*). Cô gái chỉ hỏi mà không có lời đáp. Nhưng chính câu trả lời đã được khẳng định từ trong 5 điệp khúc "thương nhớ ai" vang lên, xoáy vào lòng ta một niềm khắc khoải. Những câu hỏi không có câu trả lời liên tiếp cất lên như nén chặt nỗi thương nhớ trong lòng, để rồi cuối cùng trào ra bằng một niềm lo âu mênh mông cho hạnh phúc lứa đôi của mình :

*Đêm qua em những lo phiền,
Lo vì một nỗi không yên một bề...*

Nhớ thương người yêu nhưng vẫn lo lắng cho số phận của mình, cho duyên phận đôi lứa "không yên một bề". Vì sao vậy? Phải đặt bài ca này trong cuộc sống của người phụ nữ ta xưa và trong hệ thống của những bài ca than thân về hôn nhân và gia đình, ta mới thấy hết ý nghĩa của hai câu kết. Hạnh phúc lứa đôi của họ thường bấp bênh vì tình yêu tha thiết đâu đã dẫn đến hôn nhân cụ thể, mà vẫn nom nớp một nỗi lo sợ mệnh mông: *Thương anh cũng muốn nói ra – Sợ mẹ bằng đất, sợ cha bằng trời.*

Mặc dầu vậy, bài ca vẫn là tiếng hát đầy yêu thương của một tấm lòng đòi hỏi phải được yêu thương, khiến cho nỗi nhớ này không hề bị lụy mà vẫn chan chứa tình người như một nét đẹp tâm hồn của các cô gái Việt ở làng quê xưa.

Câu 4 (Bài 5)

Cái cầu – dải yếm trong ca dao tình yêu.

a) GV cho HS phát hiện vẻ đẹp độc đáo của bài ca dao:

– Đây là lời của ai nói với ai, và nói điều gì? (nội dung)

– Nội dung đó được biểu đạt bằng một cách nói độc đáo như thế nào? (nghệ thuật)

Đây là lời ước muốn của cô gái, cũng là lời cô thầm nói với người yêu của mình. Cô đã thổ lộ ước muốn đó trong một ý tưởng táo bạo bằng một hình ảnh độc đáo: *Bắc cầu dải yếm – để chàng sang chơi.*

b) GV hướng dẫn HS phân tích làm rõ vẻ đẹp độc đáo của *chiếc cầu – dải yếm* trong câu ca. Cần đặt *chiếc cầu – dải yếm* gắn liền với ước muốn *sông rộng một gang* của cô gái và trong *hệ thống hình ảnh cái cầu* của ca dao tình yêu để cảm nhận vẻ đẹp của nó.

– Trong ca dao tình yêu, cái cầu là một chi tiết nghệ thuật quen thuộc và đặc sắc, xuất hiện với tần số khá lớn, trở thành một biểu tượng để chỉ nơi gặp gỡ, hò hẹn của những đôi lứa đang yêu, là phương tiện để họ có thể đến với nhau. Cái cầu đó, có khi là *cành hồng, cành trầm*, nhiều khi là *ngọn mồng toi*, thậm chí lại được kết bằng *hàng trăm thứ chỉ sặc sỡ*⁽¹⁾. Đó là những cái cầu không có thực, được dệt nên bằng

- (1) – Hai ta cách một con sông
Muốn sang anh ngả cành hồng cho sang.
– Cách nhau có một con đầm
Muốn sang anh bẻ cành trầm cho sang
Cành trầm lá dọc lá ngang
Để người bên ấy bước sang cành trầm.
– Gần đây mà chẳng sang chơi
Để em ngắt ngọn mồng toi bắc cầu
Sợ rằng chàng chẳng đi cầu
Cho tốn công thợ, cho sầu lòng em.

ước mơ táo bạo của con người. Nhưng chính những *cái cầu ảo* đó lại đem đến một vẻ đẹp rất dân gian, rất đồng quê mà chỉ ca dao mới có được.

– Đặt trong hệ thống hình ảnh cái cầu nói trên, càng thấy rõ vẻ đẹp độc đáo của *cái cầu – dải yếm*. Ước muốn đã độc đáo, tạo ra cái cầu để thực hiện ước muốn đó lại càng độc đáo hơn :

*Ước gì sông rộng một gang,
Bắc cầu dải yếm để chàng sang chơi.*

Ở đây, con sông không thực mà cái cầu lại càng ảo. Có con sông ấy thì mới có cái cầu ấy. Nó đích thực là cái cầu tình yêu trong ca dao. Mà lại là cái cầu của người con gái chủ động bắc cho người mình yêu trong sự ràng buộc, toả chiết của lễ giáo phong kiến thời xưa. Nó táo bạo, mãnh liệt nhưng cũng trữ tình, ý nhị biết bao, bởi nó là cái dải yếm, cái vật cụ thể mềm mại luôn luôn quấn quýt bên thân hình người con gái : *nó chính là người con gái !* Người con gái muốn dùng cái vật thân thiết, gần gũi nhất của mình để bắc cầu mời mọc người mình yêu. Đây không phải là cảnh hồng, cảnh trầm, ngọn mồng toi – những cái ở *bên ngoài* họ phải mượn để bắc cầu, mà là cái dải yếm của họ. Cái cầu – dải yếm đã được tạo nên bằng chính máu thịt, cuộc đời, trái tim rạo rục yêu đương của những người con gái làng quê. Nó trở thành cái cầu tình yêu đẹp nhất trong ca dao và chỉ có tư duy nghệ thuật dân gian thì mới sáng tạo ra được một cái cầu như thế : vừa gần gũi thân quen, táo bạo mà trữ tình, lại đậm thắm đầy nữ tính. Trong *hệ thống hình ảnh cái cầu* của ca dao, nó là kết tinh đẹp đẽ nhất, bởi từ *cái cầu – dải yếm* này, không chỉ có tâm hồn đẹp của người lao động trong tình yêu mà còn có cả cách nói đẹp của họ trong việc biểu đạt tình yêu đó.

Câu 5 (Bài 6)

Tình nghĩa thuỷ chung của người bình dân trong ca dao.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng của *muối – gừng* :

+ Muối và gừng là những gia vị trong bữa ăn của nhân dân ta. Nhưng điều quan trọng hơn, nó còn được dùng như những vị thuốc của những người lao động nghèo trong lúc đau ốm và đây mới là khía cạnh chủ yếu mà bài ca dao muốn gọi đến : *Tay nâng chén muối đĩa gừng – Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau*. Đó cũng là hương vị tình người trong cuộc sống từ bao đời nay của nhân dân ta (*Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn* – Nguyễn Khoa Điềm).

+ Những hình ảnh đó, vì thế, đã được nâng lên thành biểu tượng trong ca dao. Người bình dân tìm thấy ở đây những *đặc tính riêng* của từng hình ảnh và *sự gắn bó tự nhiên* giữa các hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng cho nghĩa tình của con người : Gừng cay – muối mặn biểu trưng cho sự gắn bó thuỷ chung của con người.

– GV hướng dẫn HS phân tích giá trị biểu cảm của hình ảnh muối – gừng trong bài ca dao : Cũng là nghĩa tình chung thủy, nhưng biểu tượng *gừng cay – muối mặn* lại dành cho những cặp vợ chồng, bởi vợ chồng đã từng chung sống với nhau thì mới trải qua những ngày *gừng cay – muối mặn*, mới thấm thía nghĩa tình chung chung. Nghĩa tình ấy bền vững như *Muối ba năm muối đang còn mặn – Gừng chín tháng gừng hã còn cay*. Hương vị của gừng – muối đã thành hương vị của tình người : *Đôi ta nghĩa nặng tình dày*. Lối nói trùng điệp, nhấn mạnh, tiếp nối (*muối, gừng* được lấy lại hai lần, trên là *ba năm*, dưới là *chín tháng, còn mặn, còn cay*, rồi *nghĩa nặng – tình dày*) để cuối cùng đi đến một khẳng định sắt son của lòng chung thủy : *Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa*. Câu bát được kéo dài thành *13 tiếng* đã nói rõ điều đó. Cách nói ở đây có ý vị đặc sắc : ba vạn sáu ngàn ngày là một trăm năm – tức một đời người – mới cách xa, có nghĩa là không bao giờ xa cách cả.

– GV cho HS tìm thêm những câu ca dao khác có biểu tượng trên để xác nhận.

Câu 6

Những biện pháp nghệ thuật mà ca dao thường sử dụng.

a) GV cho HS nêu những biện pháp nghệ thuật mà ca dao thường sử dụng qua chùm ca dao trữ tình vừa học và tìm ra *những nét riêng* khác với nghệ thuật thơ của văn học viết (cho 1, 2 HS phát biểu ngắn gọn).

b) GV chốt lại bằng những ý sau đây :

– Sự lặp lại mô thức mở đầu bài ca : *Thân em như...*

– Các hình ảnh ẩn dụ đã thành biểu tượng trong ca dao : *chiếc cầu, tấm khăn, ngọn đèn, gừng cay – muối mặn,...*

– Hình ảnh so sánh (lấy từ trong cuộc sống đời thường : *tấm lụa đào..., củ ấu gai...* ; lấy từ thiên nhiên, vũ trụ : *mặt trời, trăng, sao*).

– Thể lục bát, thể bốn chữ, thể song thất lục bát (biến thể), thể hỗn hợp.

Những biện pháp nghệ thuật trên đây là những nét riêng in đậm sắc màu dân gian khác với nghệ thuật thơ của văn học viết vì ca dao là tiếng nói của cộng đồng chứ không phải tiếng nói của cá thể nghệ sĩ như thơ của văn học viết.

III – THIẾT BỊ DẠY HỌC

Tranh ảnh về hát dân ca quan họ Bắc Ninh (hoặc các vùng miền khác).

IV – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Hướng kiểm tra : có thể kiểm tra về *sự cảm nhận sâu sắc nhất* của HS sau khi học chùm ca dao trữ tình này (HS chỉ cần nêu một cảm nhận sâu sắc nhất của mình).

2. Gợi ý giải bài tập : Chủ yếu cung cấp thêm một số tư liệu về ca dao theo yêu cầu trong các bài tập.

Bài tập 1

- Thân em như hạt mưa rào
Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.
- Thân em như trái bần trôi
Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu.
- Thân em như miếng cau khô
Kẻ thanh tham mỏng, người thô tham dày.
- Thân em như cá trong lò
Hết phương vùng vẫy không biết nhờ nơi đâu.
- Thân em như cái quả xoài trên cây
Gió đông gió tây, gió nam gió bắc
Nó đánh lúc la lúc lắc trên cành.

GV hướng dẫn HS phân biệt sắc thái tình cảm trong các câu ca dao trên.

Bài tập 2*

a) Ca dao về nỗi nhớ người yêu :

- Nhớ ai bồi hồi bồi hồi
Như đứng đống lửa, như ngồi đống than.
- Nhớ ai ra ngấn vào ngơ
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai ?
- Nhớ ai em những khóc thầm
Hai hàng nước mắt đầm đầm như mưa.
- Nhớ ai cơm chẳng buồn ăn
Đã bụng lầy bát, lại dần xuống mâm.

b) Ca dao về cái khăn :

- Gửi khăn, gửi áo, gửi lời
Gửi đôi chàng mạng cho người đang xa.
- Nhớ khi khăn mở trầu trao
Miệng chỉ cười nụ biết bao nhiêu tình.

c) Bài ca dao *Khăn thương nhớ ai* vừa nằm trong hệ thống các bài ca dao nói trên, lại vừa có một vị trí riêng : nó cụ thể, sinh động hơn và cũng tổng hợp, trọn vẹn hơn về nỗi nhớ của người bình dân trong tình yêu. Có thể xem đây là bài ca dao hoàn

chính và hay nhất về nỗi nhớ của cô gái Việt Nam. Chính vì vậy, Nguyễn Khoa Điềm đã thấy đó là *một nét đẹp tâm hồn của nhân dân ta* và nhà thơ đã thể hiện nét đẹp đó trong câu thơ : "Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm".

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, in lần thứ 8, Hà Nội, 1978.
2. Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật, *Kho tàng ca dao người Việt*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1995.
3. Nguyễn Thị Ngọc Điệp, *Phụ lục ca dao có công thức "Thân em như..."* trong *Ca dao dân ca – Đẹp và hay*, NXB Trẻ, Hội Nghiên cứu và giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.